

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU NSNN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số 332 /BC-UBND ngày 11 /6/2026 của UBND xã Tuấn Giáo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2026	Thực hiện		Tỷ lệ (%) UTH/DT
			Thực hiện 5 tháng	Ước thực hiện 6 tháng	
A	B	1	2	3	4=3/1
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	25.100	9.433	13.500	53,8%
I	Thu nội địa	25.100	9.433	13.500	53,8%
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý				
	Thuế giá trị gia tăng				
	Thuế thu nhập doanh nghiệp				
	Thuế tài nguyên				
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý		21	21	
	Thuế giá trị gia tăng		7	7	
	Thuế thu nhập doanh nghiệp		7	7	
	Thuế tài nguyên		7	7	
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
	Thuế giá trị gia tăng				
	Thuế thu nhập doanh nghiệp				
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	5.665	2.883	3.084	54,4%
	Thuế giá trị gia tăng	5.505	2.342	2.493	45,3%
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	50	76	93	186,0%
	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	10	35	35	350,0%
	Thuế tài nguyên	100	430	463	463,0%
5	Thuế thu nhập cá nhân	2.250	1.163	1.240	55,1%
6	Thuế bảo vệ môi trường				
	Thu từ hàng hóa nhập khẩu				
	Thu từ hàng hóa sản xuất trong nước				
7	Lệ phí trước bạ	7.200	4.563	4.900	68,1%
8	Phí, lệ phí	1.000	213	260	26,0%
	Bao gồm: - Phí, lệ phí trung ương	200	127	155	77,5%
	- Phí, lệ phí địa phương	800	86	105	13,1%
	<i>Trong đó: + Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải</i>		4	4	
9	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	300	10	20	6,7%
10	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước				
	<i>Trong đó: - Trung ương hưởng (15%)</i>				
	<i>- Địa phương hưởng (85%)</i>				
11	Tiền sử dụng đất	7.000	403	3.766	53,8%
	<i>Trong đó: - Trung ương hưởng (15%)</i>	1.050	10	514	49,0%
	<i>- Địa phương hưởng (85%)</i>	5.950	393	3.252	54,7%
	<i>+ Ngân sách tỉnh hưởng (20%)</i>	1.190	50	622	52,3%
	<i>+ Ngân sách xã, phường hưởng (80%)</i>	4.760	343	2.630	55,3%
12	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				
13	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước	150	3	3	2,0%
	- Trung ương cấp phép				
	<i>Trong đó: + Trung ương hưởng (70%)</i>				
	<i>+ Địa phương hưởng (30%)</i>				
	- Địa phương cấp phép	150	3	3	2,0%
14	Thu khác ngân sách	1.500	174	196	13,1%
	- Thu khác ngân sách trung ương	1.350	173	195	14,4%
	- Thu khác ngân sách địa phương	150	1	1	0,7%
	<i>+ Trong đó: Thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa</i>				
15	Thu hoa lợi công sản, quỹ đất công ích, ... tại xã	35		10	28,6%

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2026	Thực hiện		Tỷ lệ (%) UTH/DT
			Thực hiện 5 tháng	Ước thực hiện 6 tháng	
II	Thu viện trợ				
III	Thu ủng hộ, đóng góp				
B	HOÀN THUẾ GTGT, THUẾ TTĐB VÀ CÁC KHOẢN THU KHÁC				
1	Thuế GTGT				
2	Thuế TTĐB				
3	Hoàn các khoản thu khác				
C	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	21.310	9.014	12.900	60,5%
1	Từ các khoản thu phân chia giữa NSTW và NSDP				
2	Thuế GTGT (phần NSDP hưởng 30%)				
3	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	21.310	9.014	12.900	60,5%

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số 332 /BC-UBND ngày 11 /6/2026 của UBND xã Tuần Giáo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2026	Thực hiện		Tỷ lệ (%) UTH/DT
			Thực hiện 5 tháng	Ước thực hiện 6 tháng	
A	B	1	2	3	4=3/1
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (A+B+C)	215.659	74.504	96.387	44,7%
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	214.362	73.942	95.713	44,7%
I	Chi đầu tư phát triển	4.760	0	2.287	48,0%
1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản				
2	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	4.760		2.287	48,0%
3	Chi đầu tư từ nguồn ủng hộ, đóng góp				
II	Chi thường xuyên	205.314	73.942	93.426	45,5%
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi quản lý hành chính	26.230	12.745	15.294	58,3%
2	Chi quốc phòng	3.033	429	515	17,0%
3	Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội	1.614	732	878	54,4%
4	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	136.710	51.861	62.803	45,9%
5	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	2.035		50	2,5%
6	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
7	Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin	1.615	208	780	48,3%
8	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	91	18	18	19,8%
9	Chi sự nghiệp thể dục, thể thao	499	158	190	38,1%
10	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	5.945		3.000	50,5%
11	Chi các hoạt động kinh tế	5.860	1.010	1.761	30,1%
12	Chi bảo đảm xã hội	19.850	6.781	8.137	41,0%
13	Chi thường xuyên khác...	1.832			
III	Dự phòng ngân sách	4.288			
IV	Chi cải cách tiền lương, tinh giản biên chế				
B	CHI THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTQG				
I	Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN				
1	Chi đầu tư				
2	Chi thường xuyên				
II	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững				
1	Chi đầu tư				
2	Chi thường xuyên				
III	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới				
1	Chi đầu tư				
2	Chi thường xuyên				
C	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	1.297	562	674	52,0%
I	Chi bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	1.297	562	674	52,0%
1	Bổ sung kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự ATGT				
2	Kinh phí thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với CM	1.297	562	674	52,0%

**TÌNH HÌNH SỬ DỤNG DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG,
DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO ĐỊA PHƯƠNG**

(Kèm theo Báo cáo số 332 /BC-UBND ngày 11 /6/2026 của UBND xã Tuần Giáo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự phòng ngân sách xã, phường			Dự phòng ngân sách tỉnh			Dự phòng ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương		
		Dự toán HDND quyết định	Lũy kế đã sử dụng	Còn lại	Số dự phòng NST bổ sung	Lũy kế đã sử dụng	Còn lại	Số NSTW bổ sung	Số đã phân bổ	Còn lại
A	B	1	2	3=1-2	4	5	6=4-5	7	8	9=7-8
	Tổng số	4.288,000	97,240	4.190,760						
1	Chi đầu tư phát triển									
2	Chi thường xuyên		97,240							

KẾT QUẢ PHÂN BỐ SỬ DỤNG SỐ TĂNG THU SO VỚI DỰ TOÁN, DỰ TOÁN CHI CÒN LẠI*(Kèm theo Báo cáo số 332 /BC-UBND ngày 11 /6/2026 của UBND xã Tuần Giáo)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Nội dung	Tổng số	Trong đó	
			Số tăng thu so với dự toán	Dự toán chi còn lại
A	B	1=2+3	2	3
	Tổng số	4.940,499	3.965,154	975,344
1	Bổ sung tăng dự phòng ngân sách			
2	Bổ sung nguồn thực hiện chính sách tiền lương	3.429,742	2.747,000	682,742
3	Chi đầu tư một số dự án quan trọng	1.510,757	1.218,154	292,603
4	Thực hiện một số chính sách an sinh xã hội			

** Ghi chú: Không bao gồm tăng thu tiền sử dụng đất.*